

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu

2. Ông Ngô Minh Thi

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: khu vực HT, phường Thới H, quận Ô, thành phố Cần Thơ

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T Th, xã Thạnh L, huyện VT, thành phố Cần Thơ

*Bị đơn:* Chị Trần P, sinh năm 1990. Địa chỉ: khu vực H T, phường Thới H, quận Ô, thành phố Cần Thơ

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Văn Đây, sinh năm 1991. Địa chỉ: khu vực HT, phường TH, quận Ô, thành phố Cần Thơ

- Ông Lê Văn Hiền, sinh năm 1956. Địa chỉ: khu vực HT, phường TH, quận Ô, thành phố Cần Thơ

- Bà Nguyễn Thị Kim Trí, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khu vực HT, phường TH, quận Ô, thành phố Cần Thơ

- Chị Bùi Thị Kim T, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã Tường L, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Trần ND đồng ý tách một phần thửa đất 89, tờ bản

đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00065 cấp ngày 30 tháng 8 năm 2007, đất tọa lạc tại khu vực X, phường TH, quận Ô, thành phố Cần Thơ cho bị đơn chị Trần TP. Về diện tích, vị trí cụ thể như sau:

Căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 82/TTKTTNMT ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Theo đó:

- Diện tích tách cho chị P là: 200m<sup>2</sup>, loại đất LUC.

- Vị trí: Từ đường giao thông nhìn vào có vị trí bên tay trái, chiều ngang giáp mặt đường giao thông 10.52m (phía trước), cạnh đối diện có chiều ngang 10.45m (phía sau), các cạnh bên, một cạnh có chiều dài 18.27m, một cạnh có chiều dài 20.34m (kèm theo Theo Bản trích đo địa chính số 82/TTKTTNMT ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Bản mô tả của Hội đồng xét xử dựa trên thỏa thuận của các đương sự)

Ông Trần ND có nghĩa vụ đăng ký chỉnh lý biến động, tách quyền sử dụng đất cho chị P theo sự thỏa thuận nêu trên tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kể từ ngày ký quyết định này.

2.2. Ông Đ hỗ trợ cho chị P và anh Đ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để di dời nhà. Chị P và anh Đ tự nguyện di dời nhà trả lại cho ông Đ được phần đất tranh chấp tại vị trí A có diện tích 107.1m<sup>2</sup>. Thời gian thực hiện sau khi nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng, nhưng việc thực hiện nghĩa vụ hỗ trợ tiền và di dời nhà của các bên đương sự không quá thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày 30/8/2022. Số tiền hỗ trợ trên, sau khi có quyết định này bên nguyên đơn phải hỗ trợ trước cho chị P, anh Đ 100.000.000 đồng (đợt 1); chị P và anh Đ phải cam kết sử dụng số tiền này vào mục đích di dời nhà. Số tiền còn lại, nguyên đơn phải giao trả ngay sau khi chị P và anh Đ di dời nhà trả đất cho nguyên đơn; các bên đương sự được quyền thỏa thuận giao trả tiền và giao trả đất sớm hơn thời gian trên, nếu các bên đồng ý.

2.3. Chị P đồng ý trả cho ông Lê Văn H 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng ngay sau khi nhận tiền hỗ trợ từ nguyên đơn 100.000.000 đồng (đợt 2). Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện giao trả lại đất cho ông Đ phần đất tranh chấp tại vị trí B có diện tích 2707.2m<sup>2</sup>, thời gian thực hiện ngay sau khi nhận đủ số 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng nêu trên, nhưng việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền và trả đất của các bên không quá thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 30/8/2022.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn cho chị P (hộ cận nghèo)

- Ông Lê Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003289

ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố Cần Thơ

- Ông Đ phải có nghĩa vụ nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 011337 ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố Cần Thơ. Sau khi khấu trừ, buộc ông Đ phải nộp thêm 9.700.000 đồng (chín triệu bảy trăm ngàn đồng)

5. Về chi phí tố tụng: 10.000.000 đồng. (Ông Đ đã nộp xong). Ông Đ và chị P, mỗi người tự nguyện chịu 5.000.000 đồng. Chị P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đ được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THA Q. Ô;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
đã ký

**Trần Văn Mẫn**